

Cập Nhật Văn Bản Pháp Quy

01/10/2007 – 31/10/2007

Mức lương tối thiểu vùng trong các doanh nghiệp, tổ chức nước ngoài -

Chính phủ ban hành **Nghị định số 168/2007/NĐ-CP** ngày 16/11/2007 quy định mức lương tối thiểu vùng đối với lao động Việt Nam làm công việc đơn giản nhất trong điều kiện lao động bình thường cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế và cá nhân người nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện từ ngày 01/01/2008 với các mức tương ứng với vùng như sau:

- Mức 1 triệu đồng/tháng áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn các quận thuộc thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh.
- Mức 900.000 đồng đối với doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn các huyện thuộc thành phố Hải Phòng; thành phố Hạ Long thuộc tỉnh Quảng Ninh; thành phố Biên Hòa, thị xã Long Khánh, các huyện Nhơn Trạch, Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom thuộc tỉnh Đồng Nai; thị xã Thủ Dầu Một, các huyện: Thuận An, Dĩ An, Bến Cát, Tân Uyên thuộc tỉnh Bình Dương; thành phố Vũng Tàu thuộc tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
- Mức 800.000 đồng đối với các doanh nghiệp hoạt động trên các địa bàn còn lại.

Ngoài ra, người lao động đã qua học nghề (kể cả lao động do doanh nghiệp tự dạy nghề) mức tiền lương thấp nhất trả phải cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng nói trên. Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện mức lương tối thiểu cao hơn mức lương tối thiểu vùng.

Mức lương tối thiểu chung - Chính phủ ban hành **Nghị định số 166/2007/NĐ-CP** ngày 16/11/2007, quy định từ ngày 01/01/2008, mức lương tối thiểu chung để trả công cho người lao động làm công việc giản đơn nhất trong điều kiện lao động bình thường là 540.000 đồng/tháng... Mức lương này chỉ áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội; đơn vị sự nghiệp của Nhà

nước; công ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước...

Chứng chỉ hành nghề kiểm toán, kế toán - Bộ trưởng Bộ Tài chính ra **Quyết định số 94/2007/QĐ-BTC** ngày 16/11/2007, ban hành Quy chế thi và cấp Chứng chỉ hành nghề kế toán và Chứng chỉ kiểm toán viên, như sau

- Chứng chỉ hành nghề kế toán: Người dự thi phải có thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán từ 5 năm trở lên kể từ năm ghi trên bằng tốt nghiệp Đại học và có chứng chỉ tin học trình độ B trở lên...
- Chứng chỉ kiểm toán viên: Người dự thi phải có bằng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Tài chính, Kế toán, Kiểm toán; hoặc bằng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành kinh tế, quản trị doanh nghiệp, quản trị kinh doanh có tổng số đơn vị học trình các môn học: Tài chính, Kế toán, Kiểm toán, Phân tích tài chính, Thuế trên 10% tổng số học trình cả khóa học; Thời gian công tác thực tế về Tài chính, Kế toán từ 5 năm trở lên kể từ năm ghi trên bằng tốt nghiệp Đại học; hoặc thời gian thực tế làm trợ lý kiểm toán ở doanh nghiệp kiểm toán từ 4 năm trở lên; Có chứng chỉ ngoại ngữ từ trình độ C trở lên của 01 trong 05 thứ tiếng thông dụng: Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức; hoặc tốt nghiệp Đại học ở các nước học bằng 01 trong 05 thứ tiếng trên...

Người dự thi lấy Chứng chỉ hành nghề kế toán phải đạt tổng số điểm từ 25 điểm trở lên; Chứng chỉ kiểm toán viên: 38 điểm trở lên.

Chứng chỉ kiểm toán viên và Chứng chỉ hành nghề kế toán có giá trị pháp lý để đăng ký hành nghề kiểm toán, hành nghề kế toán theo quy định của pháp luật hiện hành về hành nghề kiểm toán, hành nghề kế toán, nếu bị mất sẽ không được cấp lại.

Quyết định này thay thế Quyết định số 59/2004/QĐ-BTC ngày 9/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Chi phí thuê tư vấn nước ngoài hoạt động xây dựng - Bộ Xây dựng đã ban hành **Thông tư số 09/2007/TT-BXD** ngày 02/11/2007 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí thuê tư vấn nước ngoài (TVNN) trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam, như sau

Khi lập dự án đầu tư xây dựng công trình, lập nhiệm vụ quy hoạch xây dựng, chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập đề án quy hoạch xây dựng phải xác định chi phí thuê TVNN trong tổng mức đầu tư của dự án, trong nhiệm vụ lập quy hoạch xây dựng trên cơ sở khối lượng và loại công việc tư vấn cần thuê TVNN thực hiện.

Chi phí thuê TVNN được tính theo chi phí của loại công việc tư vấn của các dự án đầu tư xây dựng công trình, các đề án quy hoạch xây dựng tương tự do TVNN đã thực hiện; hoặc theo tỷ lệ % của chi phí xây dựng và chi phí thiết bị trong tổng mức đầu tư của dự án, theo đơn giá một đơn vị diện tích (hoặc dân số) của đề án quy hoạch xây dựng; hoặc theo dự toán tháng-người (ngày-người, giờ-người).

Khi lựa chọn nhà thầu TVNN thông qua đấu thầu, chủ đầu tư xác định giá gói thầu thuê TVNN trên cơ sở chi phí thuê TVNN đã dự tính. Nhà thầu TVNN đề xuất chi phí thực hiện dịch vụ tư vấn xây dựng. Kết quả lựa chọn nhà thầu và kết quả thương thảo, đàm phán giữa chủ đầu tư với nhà thầu TVNN không vượt quá giá gói thầu được duyệt.

Trường hợp áp dụng hình thức chỉ định thầu TVNN, chủ đầu tư, cơ quan tổ chức lập đề án quy hoạch xây dựng xem xét, đánh giá chi phí do TVNN đề xuất theo yêu cầu của hồ sơ. Nếu TVNN đề xuất chi phí thực hiện dịch vụ tư vấn theo dự toán tháng-người (ngày-người, giờ-người), chủ đầu tư sẽ tổ chức thẩm định dự toán, trình người quyết định đầu tư phê duyệt. Khi cần thiết, được thuê tổ chức tư vấn có đủ kinh nghiệm, năng lực thẩm tra dự toán trước khi trình duyệt.